

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

*Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pi Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Bà Trần Thị Quỳnh Trâm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Mai Thị Trúc L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh P vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 13-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Trúc L trình bày:*

Vào năm 2012 chị và anh Nguyễn Ngọc P cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23-5-2013.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc nữa. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn, chị và anh P đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có chung với nhau 01 người con tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 22-9-2013, hiện con đang sống với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Mai Thị Trúc L yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiên A, sinh ngày 22-9-2013 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và lời khai của người làm chứng: Vợ chồng chị L, anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 23-5-2013, tại UBND xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh P thời gian đến thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Quá trình chung sống, chị L, anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 22-9-2013. Hiện nay cháu A đang ở với chị L.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Anh P vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị L: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh P: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị Trúc L khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc P có hộ khẩu thường trú ấp H, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh P đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh P vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị L nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh P sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình. Thực tế chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai và vấn đề này cũng được chính quyền địa phương và bà Đặng Kim Hoa (mẹ ruột anh P) xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh P đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh P.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh P xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 22-9-2013. Hiện nay cháu Ân đang sinh sống cùng với mẹ. HĐXX nhận định căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao cháu Ân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị L về quyền yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Ân cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị L xác định không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con và việc chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh P cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.
2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 22-9-2013 là con chung của chị Mai Thị Trúc L và anh Nguyễn Ngọc P. Giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009780 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị L không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì SÁCH